

Số: 4351 /CV-BVĐKT

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 11 năm 2023

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

### Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm vật tư y tế tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa với nội dung cụ thể như sau:

#### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:  
Mai Thị Bích Phượng, Khoa Dược, Điện thoại: 091 2605695.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:  
- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa, 181 Hải Thượng Lãn Ông, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 30 tháng 11 năm 2023 đến trước 08h ngày 11 tháng 12 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 11 tháng 12 năm 2023.

#### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục Vật tư y tế:  
(Chi tiết danh mục tại phụ lục 1 đính kèm)
- Địa điểm cung cấp: Kho Dược, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa, 181 Hải Thượng Lãn Ông, Phường Đông Vệ, Thành Phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
- Thời gian giao hàng dự kiến: Tối đa 5 ngày kể từ khi nhận được thông báo dự trù.

Lưu ý: Đề nghị các đơn vị gửi báo giá theo mẫu quy định tại thông tư Thông tư 14/2023/TT-BYT của Bộ Y tế (Tham khảo tại phụ lục 2 đính kèm).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu VT; KD; TCKT.

GIÁM ĐỐC  
  
Lê Văn Sỹ



**PHỤ LỤC 1: DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ**  
(Kèm theo công văn số 434/VCV-BVĐKT ngày 29/11/2023)

STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên VTYT	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng dự kiến
1	23BV-G16-N1-70	Khung giá đỡ động mạch vành bọc thuốc	Cấu trúc stent dạng sóng hình Sin độ dày còn 0.0032 in. áp lực thường (12 atm), áp lực vỡ bóng (18 atm). Bọc thuốc (Zotarolimus). Vật liệu Polyme: Polimer BioLinx. Vật liệu stent Core: Pt-Ir. Marker trên stent bằng vật liệu Platinum iridium. Đường kính tối thiểu 9 kích thước từ 2.25 đến 4.0mm; tối thiểu 9 kích thước chiều dài từ 8 đến 38mm	cái	60
2	23BV-G16-N6-65	Stent động mạch vành phủ thuốc	'- Chất liệu Cobalt Chromium cấp phẫu thuật (L605), phủ hỗn hợp thuốc Sirolimus và Polymer phân hủy sinh học. - Chiều dài hữu dụng của hệ thống phân phối: 140cm. Tương thích với ống thông 5Fr (1.4mm) và dây dẫn hương 0.014inch. - Nguyên liệu phủ: Sirolimus 2.045 µg/mm <sup>2</sup> . - Bóng đặt stent: Bóng nylon có chiều dài danh nghĩa dài hơn stent 1,0mm. Stent được lắp sẵn giữa 2 dải đánh dấu cản quang bằng vàng 18K không thấu xạ. - Áp suất bơm bóng danh nghĩa: 8 atm; Áp suất định mức vỡ bóng: 16 atm. (8 atm cho mạch 2.25 đến 3.00mm, dài 8 đến 26 mm; 9 atm cho mạch 3.25 đến 4.50mm dài 30-54mm) - Độ dày của khung: 65 +/- 5 µm. - Tỷ lệ thu hẹp: < 2%; Tỷ lệ co rút: < 6%. - Lớp phủ Polyme bao gồm hỗn hợp các polyme phân hủy sinh học gốc lactide và glycolide. Polymer phân hủy 100% trong vòng 9-10 tuần. - Thuốc Sirolimus được phóng thích 30-40% trong tuần đầu tiên, duy trì thuốc trong vòng 50-60 ngày. - Đường kính stent chưa bung có tối thiểu 8 kích thước (mm) từ 2.0 đến 4.50; - Chiều dài stent có tối thiểu 13 kích thước (mm) từ 8 đến 54.	cái	60
3	23BV-G16-N1-66	Khung giá đỡ (Stent) động mạch vành, chất liệu Platinum Chromium, bọc thuốc Everolimus trên nền Polymer tự tiêu	'- Stent chất liệu Platinum Chromium (platinum 33%) phủ thuốc Everolimus (phủ thuốc Everolimus dày ~1µg/mm <sup>2</sup> ). - Thuốc Everolimus được hấp thu hoàn toàn sau 3 tháng. Lớp Polymer PLGA chỉ phủ ở mặt stent áp thành mạch, Polymer tự tiêu hoàn toàn sau 4 tháng (120 ngày).	Cái	60



			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ dày thành stent mỏng 74µm</li> <li>- Cấu trúc xoắn ốc, đỉnh lồng nhau.</li> <li>- Gia tăng kết nối ở đầu gần (4, 5 kết nối ở đoạn gần, 2 kết nối ở dọc trên thân)</li> <li>- Đầu tip đỡ ngắn.</li> <li>- Chất liệu bóng trong stent: Pebax có 2 lớp.</li> <li>- Có cấu tạo Bi-segment; phủ PTFE.</li> </ul>		
4	23BV-G16-N1-64	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Limus	<ul style="list-style-type: none"> <li>'Giá đỡ mạch vành với lớp phủ kép Biolute và ProBio có phủ thuốc Limus:</li> <li>- Vật liệu stent làm bằng Cobalt chromium, được phủ lớp Silicon Carbide siêu mỏng</li> <li>- Chất liệu bóng mang stent là Semi Crystalline Polymer.</li> <li>- Liều lượng thuốc: 1.4µg/mm<sup>2</sup>.</li> <li>- Dùng polymer tự tiêu Poly-L-Lactic Acid (PLLA).</li> <li>- Chiều dài Catheter stent 140 cm.</li> <li>- Khẩu kính: 0.017".</li> <li>Kích thước thanh stent: 60µm (0.0024") đến 80µm (0.0031")</li> <li>- Guiding tương thích nhỏ nhất 5F (I.D. ≥ 0.056").</li> <li>- Dây dẫn tương thích 0.014"</li> <li>- Đường kính ống thông đầu gần 2.0F, đầu xa 2.6F đến 2.8F</li> <li>- Tối thiểu 6 kích thước đường kính từ 2.25mm đến 4.0mm; Tối thiểu 9 kích thước chiều dài từ 9 đến 40 mm.</li> <li>- Áp lực bơm bóng bình thường 8 atm, áp lực vỡ bóng 16 atm</li> </ul>	Cái	60
5	23BV-G16-N3-67	Stent mạch vành bằng thép không gỉ	<ul style="list-style-type: none"> <li>'- Stent chất liệu thép không gỉ 316LVM phủ thuốc Sirolimus (Rapamycin), phủ lớp Polymer với thành phần tự phân hủy sinh học Polyactide (PLA).</li> <li>- Bề mặt stent nhám</li> <li>- Khoảng cách giữa thanh chống 1.1 mm</li> <li>- Khẩu kính thâm nhập tổn thương: 0.016"</li> <li>- Khẩu kính băng qua tổn thương 0,035"/ 0,89 mm (Ø 2,5 mm).</li> <li>- Độ dày thanh chống 0,0034" / 87 µm (Ø 2,5 mm).</li> <li>Có tối thiểu 6 kích thước đường kính: Từ 2.0mm đến 4.00mm</li> <li>Có tối thiểu 9 kích thước chiều dài: Từ 18mm đến 40mm</li> </ul>	Cái	60
6	23BV-G16-N3-74	Stent mạch vành siêu mỏng thanh liên kết chữ Z	<ul style="list-style-type: none"> <li>'- Chất liệu Cobalt Crom L-605;</li> <li>- Độ dày stent 60 µm cho tất cả các đường kính</li> <li>- Thanh liên kết chữ Z</li> <li>- Thuốc: Sirolimus, nồng độ 1.4 µg/mm<sup>2</sup></li> <li>- Tỷ lệ nội mạc hóa tại thời điểm 4-6 tuần 91.3%</li> <li>- Áp suất danh định: 11atm (φ 3.5-4.5mm); 10atm (φ 2.5-3.0mm); 8atm (φ 2.0-2.25mm). Áp suất nổ: 16atm</li> <li>- Đường kính: 2.0 - 4.50mm. Chiều</li> </ul>	Cái	60





			dài: 8- 48mm		
7	23BV-G16-N6-72	Stent nong mạch vành Cobalt Chrome có phủ thuốc Sirolimus	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Cobalt Chromium cấp phẫu thuật (L605), phủ hỗn hợp thuốc Sirolimus và Polymer phân hủy sinh học.</li> <li>- Chiều dài hữu dụng của hệ thống phân phối: 140cm. Tương thích với ống thông 5Fr (1.4mm) và dây dẫn hương 0.014inch.</li> <li>- Nguyên liệu phủ: Sirolimus 2.085 µg/mm<sup>2</sup></li> <li>- Stent được lắp sẵn giữa 2 dải đánh dấu căn quang bằng vàng 18K không thấu xạ.</li> <li>- Áp suất bơm bóng danh nghĩa: 8 atm; Áp suất định mức vỡ bóng: 16 atm.</li> <li>- Độ dày của khung: 75 +/- 5 µm.</li> <li>- Tỷ lệ thu hẹp: &lt; 2.5%; Tỷ lệ co rút: &lt; 5%.</li> <li>- Lớp phủ Polymer bao gồm hỗn hợp các polyme phân hủy sinh học gốc lactide và glycolide. Polymer phân hủy 100% trong vòng 9-10 tuần.</li> </ul>	Cái	60
8	23BV-G16-N1-78	Stent Graft động mạch chủ ngực	<p>Phần graft làm từ Polyester, khung stent tự bung được làm từ Nitinol. Stent graft được bung theo cơ chế Bóp-ròì-Thả, mỗi bước 4mm.</p> <p>Kích cỡ: Đường kính từ 24 – 44mm Chiều dài: 100 - 230mm.</p> <p>Hệ thống mang Stent graft có kích thước từ 20F, chiều dài 95cm, được phủ lớp ái nước.</p>	Bộ	2
9	23BV-G16-N1-79	Stent Graft động mạch chủ bụng	<p>Phần graft làm từ Polyester, khung stent tự bung được làm từ Nitinol, Stent graft được bung theo cơ chế Bóp-ròì-Thả.</p> <p>Thân chính có đường kính từ 23 – 36mm, độ dài từ 100 – 160mm.</p> <p>Phần chân nối dài có đường kính đầu gần 15mm, độ dài từ 60 – 135mm.</p> <p>Hệ thống đưa stent: kích thước từ 16F - 20F</p>	Bộ	2



**PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ**  
(Kèm theo công văn số 4291/CV-BVĐKT ngày 29/11/2023)



Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi .... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Mã hàng hoá <sup>(1)</sup>	Danh mục thiết bị y tế <sup>(2)</sup>	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất <sup>(3)</sup>	Mã HS <sup>(4)</sup>	Năm sản xuất <sup>(5)</sup>	Xuất xứ <sup>(6)</sup>	Số lượng/khối lượng <sup>(7)</sup>	Đơn giá <sup>(8)</sup> (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan <sup>(9)</sup> (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) <sup>(10)</sup> (VND)	Thành tiền <sup>(11)</sup> (VND)
1		Thiết bị A									
2		Thiết bị B									
n		...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục 1 - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.



....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp<sup>(12)</sup>**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

**Ghi chú:**

- (1) Mã hàng hoá theo danh mục yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá đính kèm công văn này.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

